

I. Trắc nghiệm

Ôn tập lại các kiến thức cơ bản trong các bài:

Bài 1: Thiết bị vào – ra

Bài 2: Phần mềm máy tính

Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính

Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet.

Bài 5: Ứng xử trên mạng

Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính

Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính

Dạng 1. Chọn chữ cái trước phương án mà em cho là đúng nhất

Câu 1. Ô N10 là giao của hàng nào và cột nào?

A. Hàng N, cột 10.

B. Hàng 10, cột N.

C. Hàng N10.

D. Cột N10.

Câu 2. Vùng được đánh dấu trong Hình 6.2 có địa chỉ là gì?

	A	B	C
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			

Hình 6.2

A. B7:A2.

B. A2:B7.

C. A7:B2.

D. B2:A7.

Câu 3. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Một bảng tính có nhiều trang tính.

B. Mỗi bảng tính chỉ có một trang tính.

C. Mỗi trang tính bao gồm nhiều bảng tính.

D. Mỗi trang tính chỉ chứa một bảng tính.

Câu 4. Giả sử tại ô D8 có công thức $= B8*2 + C8$, nếu sao chép công thức này đến ô D10 thì công thức sẽ thay đổi như thế nào?

A. $= B8*2 + C8$.

B. $= B10*2 + C10$.

C. $= C8*2 + B8$.

D. $= B10 + C10*2$.

Câu 5. Giả sử tại ô E10 có công thức sau: $= B7+ C8+ D9$.

Nếu công thức này sao chép sang ô N15 thì công thức được sao chép sang là gì?

A. $= K12+ L13+ M14$.

B. $= K11+ L12+ M13$.

C. $= K13+ L14+ M15$.

D. $= K10+ L11+ M12$.

Câu 6. Công thức nào sau đây là đúng khi nhập vào ô D5 trong Hình 7.1 để tính chu vi hình chữ nhật

	A	B	C	D
1				
2		Tính chu vi hình chữ nhật		
3		Cạnh 1	a	13
4		Cạnh 2	b	25
5		Chu vi:		

Hình 7.1

A. $=2*(13+25)$. B. $=2*(a+b)$. C. $=2*(D3+D4)$. D. = 76.

Câu 7. Khi người bạn thân của em có biểu hiện nghiện trò chơi trực tuyến, em sẽ làm gì để giúp bạn?

A. **Khuyến bạn không nên dành quá nhiều thời gian cho việc chơi game, lên kế hoạch học tập cùng bạn, rủ bạn cùng chơi các trò chơi thể thao ngoài trời...**

B. Nhắc nhở bạn không nên chơi game quá nhiều, nếu bạn không nghe thì thôi.

C. Chơi game cùng bạn.

D. Giới thiệu cho bạn một số game online đang thịnh hành.

Câu 8. Giả sử ô A1 = 4, ô B1 = 5. Kết quả tại ô C1 là gì khi tại ô C1 ta nhập **A1*B1**?

A. 1. B. 9. C. **20.** D. A1*B1.

Dạng 2. Câu trắc nghiệm Đúng Sai: Trong mỗi ý a), b), c), d) học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 9. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai?

a) Hệ điều hành kết nối, quản lý, điều khiển các thiết bị phần cứng, phần mềm trên máy tính.

b) Phần mềm ứng dụng là phần mềm hệ điều hành.

c) Cần cài đặt các phần mềm ứng dụng trong máy tính trước, sau đó mới cài đặt phần mềm hệ điều hành.

d) Khi bật máy tính thì phần mềm ứng dụng sẽ khởi động trước phần mềm hệ điều hành.

II. Tự luận

Bài 1. Cho trang tính như Hình 7.3, cần nhập công thức tính chu vi tam giác ABC vào ô E3.

	A	B	C	D	E
1					
2	Thông tin tam giác ABC				
3	Cạnh AB	12.8		Chu vi:	
4	Cạnh BC	8.5			
5	Cạnh AC	10.7			

Hình 7.3

a) Công thức cần nhập vào ô E3 là gì?

b) Nếu thay đổi các thông tin chiều dài các cạnh của tam giác ABC tại các ô B3, B4, B5 thì giá trị đã tính toán tại ô E3 có thay đổi theo không? Hãy giải thích.

Bài 2. Chuyển các biểu thức Toán học sau sang biểu thức trong Microsoft Excel:

a) $25 \times 4 + 18 : 3 - 10$

b) $8^3 - 6^2 + 20 : 5 \times 2$

c) $\frac{(6+10)^2}{8}$

d) $25 \times 6 : (28 + 2)$

Bài 3. Thực hành: Nhập bảng điểm lớp 7A theo mẫu trong Hình 7.4

	A	B	C	D	E	F
1						
2		BẢNG ĐIỂM LỚP 7A				
3		HỌC KÌ I				
4						
5	Stt	Họ tên HS	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	ĐTB
6	1	Bùi Lê Đình Anh	6.2	5.9	6.2	
7	2	Nguyễn Thị Bình	7.1	6.8	6.1	
8	3	Nguyễn Đức Hà	5.5	4.8	5.1	
9	4	Trần Thế Hải	4	4.4	6.9	
10	5	Nguyễn Thị Hiền	5.2	3.9	5.9	
11	6	Lê Tài Hiếu	7.1	6	7.1	
12	7	Lê Thu Hà	7	7	6.5	
13	8	Nguyễn Thị Hòa	5.9	5.8	5.4	
14	9	Trần Thị Hiền	8	6	6.2	
15	10	Nguyễn Văn Hùng	7.5	4.7	5.1	

Hình 7.4

Tại cột ĐTB nhập công thức tính điểm trung bình ba môn của cả lớp như sau:

a) Nhập công thức tính điểm trung bình tại ô F6 sao cho khi thay đổi điểm thì điểm trung bình tự động cập nhật.

b) Sao chép công thức này xuống các ô phía dưới để tính điểm trung bình cho cả lớp.

Bài 4. Cho bảng tính như hình 7.2

	A	B	C	D
1				
2	DIỆN TÍCH PHỦ RỪNG CÁC TỈNH VÙNG ĐÔNG BẮC			
3	Đơn vị tính: ha			
4	Tỉnh	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Tổng diện tích rừng
5	Hà Giang	382.118	87.939	
6	Tuyên Quang	233.193	191.496	
7	Cao Bằng	353.259	20.026	
8	Lạng Sơn	293.601	238.055	
9	Bắc Giang	56.123	104.385	
10	Quảng Ninh	122.657	247.68	
11	Bắc Kạn	274.086	97.863	
12	Thái Nguyên	76.481	111.064	
13	Phú Thọ	47.435	124.171	

Hình 7.2

a) Nhập **công thức có chứa địa chỉ** để tính tổng diện tích rừng của tỉnh Hà Giang?

b) Nêu cách sao chép công thức ở trên để tính tổng diện tích rừng của các tỉnh còn lại?

c) Nếu thay đổi số ở ô B5 thì kết quả tổng diện tích rừng của tỉnh Hà Giang thay đổi như thế nào?

Ban giám hiệu

Tổ chuyên môn

Nhóm chuyên môn

Phạm Thị Thanh Bình

Nguyễn Thị Vân Anh

Phạm Như Trang